



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	5 – 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 32



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế (*)	11.400.000.000	40%
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60%
Cộng	28.500.000.000	100%

(*) Nay là Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
Điện thoại : 0383.791.777
Fax : 0383.791.555
Mã số thuế : 2900859599

Ngành nghề kinh doanh:

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 32).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Chương	Ủy viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Lê Văn Chiến	Ủy viên	Không bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm, miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thành Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm lại tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013

15-0
HÀN
G TÝ
EM HÙ
N VÀ T
& C
HA N
- TE

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Trọng Diên	Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007	

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Văn Chương Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Xác nhận của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Hoàng Trọng Diên

Ngày 8 tháng 8 năm 2013



BAKER TILLY
A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 303/2013/BCTC-KTTV-KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 8 tháng 8 năm 2013, từ trang 05 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Phó Giám đốc



Nguyễn Thị Tư

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Kiểm toán viên

Phạm Quang Huy

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.385.569.154	27.076.259.188
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.134.843.373	2.921.306.363
1. Tiền	111		5.134.843.373	2.921.306.363
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.400.825.211	12.642.827.197
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	16.173.418.170	12.144.470.809
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.667.440.000	1.802.090.750
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	158.235.016	177.681.192
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.598.267.975)	(1.481.415.554)
IV. Hàng tồn kho	140		6.306.523.041	10.952.052.972
1. Hàng tồn kho	141	V.6	6.306.523.041	10.952.052.972
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		543.377.529	560.072.656
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	404.155.480	113.466.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	287.284.694
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	139.222.049	159.321.962

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.077.533.885	33.400.384.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.659.228.899	31.981.346.171
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	27.134.783.541	29.033.000.374
<i>Nguyên giá</i>	222		42.859.121.972	43.423.793.509
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.724.338.431)	(14.390.793.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	806.487.768	873.275.434
<i>Nguyên giá</i>	228		1.134.381.101	1.218.455.778
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(327.893.333)	(345.180.344)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	2.717.957.590	2.075.070.363
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.418.304.986	1.419.038.327
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.418.304.986	1.419.038.327
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.463.103.039	60.476.643.686

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	310		19.484.362.548	19.922.026.886
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	-	4.482.571.129
2. Phải trả người bán	312	V.14	15.185.517.813	10.637.075.860
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	167.295.174	645.205.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.171.757.680	247.832.758
5. Phải trả người lao động	315		1.887.967.045	2.565.394.408
6. Chi phí phải trả	316	V.17	150.175.632	96.440.300
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	814.602.482	1.343.707.444
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	107.046.722	(96.200.013)
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		235.913.239	235.913.239
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	235.913.239	235.913.239
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.742.827.252	40.318.703.561
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	40.742.827.252	40.318.703.561
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.422.990.218	2.012.912.342
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.542.266.621	1.107.344.274
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.277.570.413	8.698.446.945
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.463.103.039	60.476.643.686

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cấm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		8.189,6	39.142,78
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biếu

S. Shu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Chair

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 8 tháng 8 năm 2013

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	58.102.285.274	52.622.868.867
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.535.140.105	2.077.218.911
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		56.567.145.169	50.545.649.956
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	30.182.674.805	25.898.750.104
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.384.470.364	24.646.899.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	63.169.261	223.627.196
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	100.279.824	753.706.812
Trong đó: chi phí lãi vay	23		88.563.308	700.647.848
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	18.002.497.303	16.254.330.340
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.743.936.468	2.796.562.238
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.600.926.030	5.065.927.658
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.358.235	7.550.348
12. Chi phí khác	32	VI.8	12.512.015	23.839.633
13. Lợi nhuận khác	40		(9.153.780)	(16.289.285)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.591.772.250	5.049.638.373
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	314.201.837	191.760.904
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>5.277.570.413</u>	<u>4.857.877.469</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.852</u>	<u>1.705</u>

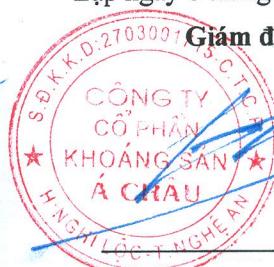
Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 8 tháng 8 năm 2013



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LUU CHUYỂN TIỀN TỆ GiỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.591.772.250	5.049.638.373
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.777.999.037	1.858.774.334
- Các khoản dự phòng	03	116.852.421	421.188.204
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	(145.288.889)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	88.563.308	700.647.848
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
trước thay đổi vốn lưu động	08	7.575.187.016	7.884.959.870
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.567.465.828)	4.576.929.225
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.645.529.931	(449.599.114)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	3.602.193.852	(3.260.886.508)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(72.998.677)	48.651.212
- Tiền lãi vay đã trả	13	(89.091.491)	(735.021.178)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14 V.16	(74.207.450)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	50.827.862
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(375.199.987)	(651.635.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.643.947.366	7.464.226.368
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(672.839.227)	(82.905.189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	145.288.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(672.839.227)	62.383.700

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuýết số minh	Năm nay	Năm nay
----------	----------------------	---------	---------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	8.324.170.919
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13 (4.482.571.129)	(13.183.684.692)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21 (4.275.000.000)	(2.806.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.757.571.129)	(7.665.813.773)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2.213.537.010	(139.203.705)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1 2.921.306.363	3.038.638.500
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1 5.134.843.373	2.899.434.795

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 8 tháng 8 năm 2013



Hoàng Trọng Diên

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
 - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 84 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 89 nhân viên)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là năm tài chính thứ sáu của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 6
Tài sản cố định khác	6

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền khai thác mỏ

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

10. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào chuyển khoản bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 20.800 VND/USD
30/06/2013 : 21.125 VND/USD

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ

12. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ bao gồm tiền và các khoản phải thu.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phát sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

13. Nợ phải trả tài chính

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

14. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

Công ty Cổ phần Đầu tư
Đường Việt Nam
Công ty TNHH Việt Nam
Các đối tượng khác
Công
Các khoản phải trả
Đối tác thương mại
Phải thu ngắn hạn
Phải thu dài hạn
Công

DO
NH
TY
HUU
V
TU
C
NOI
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	83.276.187	600.724.834
Tiền gửi ngân hàng	5.051.567.186	2.320.581.529
Cộng	5.134.843.373	2.921.306.363

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	5.900.399.613	4.161.023.900
Công ty Cổ phần Thương mại Tiến Hưng	1.673.272.750	1.516.872.500
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	800.083.000	747.790.250
DNTN Thương mại Sản xuất Dịch vụ Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty Cổ phần Thương mại Hóa chất Minh Khang	592.387.999	521.997.999
Công ty Cổ phần Vật tư phụ gia Hóa Chất	508.569.322	515.189.322
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phát Gia Nguyễn	492.648.930	502.648.930
Nhà máy Sản xuất Bao bì, bạt nhựa Tú Phương	204.040.000	329.373.000
Công ty Cổ phần Hằng Sơn Đông á	145.649.044	288.702.244
Công ty TNHH Hoá Dược Hoàng An	260.536.227	270.536.227
Công ty Cổ phần L.Q JoTon	160.875.253	260.627.670
Công ty Cổ phần Khoáng sản Toàn Cầu	-	230.900.000
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hiệp Chấn Thành	481.342.480	203.762.467
Công ty TNHH Nhựa á Đông	62.985.000	152.692.800
Công ty Cổ phần Hóa Chất Bình Minh	-	141.635.477
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	111.339.072
Công ty TNHH Sơn Ti Son	75.500.001	111.000.001
Asian Granito India Ltd	1.511.612.928	-
Classic Marble Impex PVT.LTD	959.379.336	-
Các đối tượng khác	1.692.607.353	1.538.189.088
Cộng	16.173.418.170	12.144.470.809

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	1.660.000.000	1.660.000.000
Công ty TNHH Vinh An	-	57.007.500
Các đối tượng khác	7.440.000	85.083.250
Cộng	1.667.440.000	1.802.090.750

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	75.695.161	65.882.124
Phải thu tiền bảo hiểm	45.254.773	78.914.187
Phải thu khác	37.285.082	32.884.881
Cộng	158.235.016	177.681.192

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cầm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>	12.920.000	138.897.418
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm</i>	162.368.385	234.410.058
- <i>Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên</i>	1.422.979.590	1.108.108.078
Cộng	1.598.267.975	1.481.415.554

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.481.415.554	877.753.543
Trích lập dự phòng bổ sung	116.852.421	603.662.011
Số cuối kỳ	1.598.267.975	1.481.415.554

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	3.039.305.234	4.927.174.916
Công cụ, dụng cụ	97.629.293	487.935.383
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.688.781.965	1.658.823.465
Thành phẩm	1.425.747.407	3.806.867.538
Hàng hóa	55.059.142	71.251.670
Cộng	6.306.523.041	10.952.052.972

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	7.260.992	3.016.583
Công cụ dụng cụ	308.687.325	82.863.053
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	88.207.163	27.586.364
Cộng	404.155.480	113.466.000

8. Tài sản ngắn hạn khác

Là các khoản tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	13.002.630.412	28.328.263.305	1.834.092.305	167.269.643	91.537.844	43.423.793.509
Tăng do mua sắm mới trong kỳ	-	-	-	-	29.952.000	29.952.000
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013/TT-BTC	(123.115.599)	(211.899.931)	(13.000.000)	(167.269.643)	(79.338.364)	(594.623.537)
Số cuối kỳ	12.879.514.813	28.116.363.374	1.821.092.305	-	42.151.480	42.859.121.972
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	75.053.796	128.673.577	147.714.286	-	-	351.441.659
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.150.706.851	10.025.892.125	1.042.771.364	104.535.667	66.887.128	14.390.793.135
Tăng do khấu hao trong kỳ	400.336.735	1.216.579.517	103.729.194	12.888.183	8.684.007	1.742.217.636
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013/TT-BTC	(86.809.201)	(142.212.834)	(13.000.000)	(117.423.850)	(49.226.455)	(408.672.340)
Số cuối kỳ	3.464.234.385	11.100.258.808	1.133.500.558	-	26.344.680	15.724.338.431

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9.851.923.561	18.302.371.180	791.320.941	62.733.976	24.650.716	29.033.000.374
Số cuối kỳ	9.415.280.428	17.016.104.566	687.591.747	-	15.806.800	27.134.783.541

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 15.243.070.567 VND và 9.653.944.717 VND đang được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền khai thác mỏ	Phần mềm máy vi tính	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Website công ty	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.102.562.919	38.500.000	48.961.039	28.431.820	1.218.455.778
Tăng trong kỳ	-	(38.500.000)	(17.142.857)	(28.431.820)	(84.074.677)
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013/TT - BTC					
Số cuối kỳ	1.102.562.919	-	31.818.182	-	1.134.381.101
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	275.640.720	16.659.720	39.179.884	13.700.020	345.180.344
Tăng do khấu hao trong kỳ	27.564.072	2.604.165	2.651.514	2.961.650	35.781.401
Giảm do không đủ điều kiện ghi nhận theo TT45/2013/TT - BTC	-	(19.263.885)	(17.142.857)	(16.661.670)	(53.068.412)
Số cuối kỳ	303.204.792	-	24.688.541	-	327.893.333
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	826.922.199	21.840.280	9.781.155	14.731.800	873.275.434
Số cuối kỳ	799.358.127	-	7.129.641	-	806.487.768

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang	2.075.070.363	642.887.227	-	2.717.957.590
Kho chứa vật liệu mỏ đá Châu Hồng	112.045.818	-	-	112.045.818
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	1.963.024.545	-	-	1.963.024.545
Đường nội bộ mỏ đá Châu Quang	-	642.887.227	-	642.887.227
Cộng	2.075.070.363	642.887.227	-	2.717.957.590

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí công cụ, dụng cụ	228.435.466	499.575.549	121.261.191	606.749.824
Chi phí sửa chữa	140.541.426	-	57.870.268	82.671.158
Chi phí thăm dò, khảo sát và xin cấp phép khai thác mỏ đá Châu Hồng	401.050.198	-	133.683.399	267.366.799
Chi phí thăm dò, khảo sát và mở rộng mỏ đá Châu Quang	583.787.153	-	194.595.718	389.191.435
Chi phí trả trước dài hạn khác	65.224.084	40.692.514	33.590.828	72.325.770
Cộng	1.419.038.327	540.268.063	541.001.404	1.418.304.986

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Trung Đô để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>
Số đầu năm	4.482.571.129
Số tiền vay phát sinh	-
Số tiền vay đã trả	<u>(4.482.571.129)</u>
Cộng	<u>-</u>

14. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Nhật Việt	5.377.300.000	2.084.700.000
Doanh nghiệp tư nhân Hải Hà	2.278.327.700	1.113.595.800
Công ty TNHH Trang Anh	1.057.918.550	988.855.125
Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Trung Liên	1.048.787.008	1.053.906.662
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	887.009.741	934.253.141
Công ty TNHH Phú Đại Lộc	464.880.850	-
Công ty TNHH Liên hiệp Nghệ An	457.000.000	-
Công ty TNHH Phú An	416.373.746	363.439.499
Công ty TNHH Dịch vụ Tiếp vận Toàn Cầu	374.600.000	-
Công ty TNHH Trường An	279.174.469	-
Công ty TNHH Xây lắp và Kinh doanh Tổng hợp Cường Thịnh	244.444.200	381.938.300
Doanh nghiệp tư nhân Khảm Tiến	44.710.600	2.052.762.595
Công ty TNHH Đá Phủ Quỳ	-	272.372.050
Các đối tượng khác	<u>2.254.990.949</u>	<u>1.391.252.688</u>
Cộng	<u>15.185.517.813</u>	<u>10.637.075.860</u>

15. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bajaj Healthcare Ltd	144.740.500	-
Leng Chin Group Co.Ltd	349.674	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Miền Trung	-	140.000.000
Công ty TNHH Đá tấm xây dựng cao cấp	-	103.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà - Trường Sơn	-	100.000.000
Các đối tượng khác	<u>22.205.000</u>	<u>302.205.000</u>
Cộng	<u>167.295.174</u>	<u>645.205.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	241.164.846	(232.440.701)	8.724.145
Thuế xuất, nhập khẩu	11.537.504	1.535.140.105	(1.010.437.155)	536.240.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	170.645.050	314.201.837	(74.207.450)	410.639.437
Thuế thu nhập cá nhân	-	194.666.746	-	194.666.746
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế tài nguyên	45.221.754	51.014.385	(79.561.851)	16.674.288
Tiền thuê đất	-	7.894.000	(7.894.000)	-
Phí môi trường	20.404.800	19.926.720	(35.542.560)	4.788.960
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	23.650	-	-	23.650
Cộng	247.832.758	2.367.008.639	(1.443.083.717)	1.171.757.680

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Bột đá bán trong nước: 10%

Bột đá xuất khẩu: 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.591.772.250	5.049.638.373
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	692.264.490	429.244.592
Chi phí không hợp lệ	611.161.945	383.342.372
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	45.783.929	45.902.220
Khấu hao tài sản tạm dừng sản xuất	35.318.616	
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	6.284.036.740	5.478.882.965
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	628.403.674	547.888.297
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	314.201.837	273.944.148
Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 theo nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2012	-	82.183.244
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	314.201.837	191.760.904

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	5.308.049	5.836.232
Chi phí phải trả khác	144.867.583	90.604.068
Cộng	150.175.632	96.440.300

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	90.889.609	101.675.109
BHXH, BHYT, BHTN	123.028.188	268.530.529
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	9.961.056	405.274.746
Phải trả khác	590.723.629	568.227.060
Cộng	814.602.482	1.343.707.444

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này
Số đầu năm	(96.200.013)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	578.446.722
Chi quỹ	(375.199.987)
Số cuối kỳ	107.046.722

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Trung Đô	235.913.239	235.913.239
Cộng	235.913.239	235.913.239

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Trung Đô để đầu tư mở rộng sản xuất bột đá trắng giai đoạn 2. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay (Khoản vay này có thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm).

Trong kỳ khoản vay này không có phát sinh vay bổ sung hoặc trả nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Công
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	(50.827.862)	1.643.968.157	794.101.924	6.264.847.004	37.152.089.223
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	8.698.446.945	8.698.446.945
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	368.944.185	313.242.350	(1.277.347.004)	(595.160.469)
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	(4.987.500.000)	(4.987.500.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm trước	-	50.827.862	-	-	-	50.827.862
Số dư cuối năm trước	28.500.000.000	-	2.012.912.342	1.107.344.274	8.698.446.945	40.318.703.561
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	-	2.012.912.342	1.107.344.274	8.698.446.945	40.318.703.561
Lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-	5.277.570.413	5.277.570.413
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	3.410.077.876	434.922.347	(4.423.446.945)	(578.446.722)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Số dư cuối kỳ này	28.500.000.000	-	5.422.990.218	1.542.266.621	5.277.570.413	40.742.827.252

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
Cộng	28.500.000.000	28.500.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	4.253.700.000	4.987.500.000
Cộng	4.253.700.000	4.987.500.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.850.000	2.850.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	58.102.285.274	52.622.868.867
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	952.331.004	1.445.967.201
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	57.149.954.270	51.176.901.666
Các khoản giảm trừ doanh thu:	1.535.140.105	2.077.218.911
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	94.858.718
- <i>Thuế xuất khẩu</i>	1.535.140.105	1.982.360.193
Doanh thu thuần	56.567.145.169	50.545.649.956
Trong đó:		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	898.794.713	1.423.023.076
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	55.668.350.456	49.122.626.880

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
596.018.308	964.546.646
29.586.656.497	24.934.203.458
30.182.674.805	25.898.750.104

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi có kỳ hạn
Lãi tiền gửi không kỳ hạn
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
-	145.288.889
15.049.934	20.449.275
48.119.327	57.889.032
63.169.261	223.627.196

4. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
88.563.308	700.647.848
11.716.516	53.058.964
100.279.824	753.706.812

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên
Chi phí vật liệu, bao bì
Chi phí dụng cụ, đồ dùng
Chi phí khấu hao TSCĐ
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
27.559.000	13.030.000
113.701.779	174.081.890
357.476.291	1.124.692.606
22.580.754	22.580.754
17.289.955.564	14.872.017.375
191.223.915	47.927.715
18.002.497.303	16.254.330.340

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý
Chi phí vật liệu quản lý
Chi phí đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao TSCĐ
Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dự phòng
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay	Năm trước
1.834.843.749	1.452.400.182
164.973.072	23.937.131
18.277.405	56.930.717
104.835.520	115.778.408
12.388.000	5.527.000
116.852.421	421.188.204
267.420.263	575.499.753
224.346.038	145.300.843
2.743.936.468	2.796.562.238

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

Xử lý các khoản công nợ không phải trả
Xử lý công nợ nhỏ lẻ
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	3.358.235	7.294.467
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	255.881
Cộng	3.358.235	7.550.348

8. Chi phí khác

Các khoản nộp phạt vi phạm hành chính
Xử lý công nợ nhỏ lẻ
Hủy hàng tồn kho
Chi phí khác
Cộng

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Các khoản nộp phạt vi phạm hành chính	-	1.189.632
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.602.810	1
Hủy hàng tồn kho	9.709.205	-
Chi phí khác	1.200.000	22.650.000
Cộng	12.512.015	23.839.633

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.570.413	4.857.877.469
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.277.570.413	4.857.877.469
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.850.000	2.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.852	1.705

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thưởng	305.082.672	196.400.298
Phụ cấp	155.631.743	143.843.700
Cộng	460.714.415	340.243.998

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan

Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 40% vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ chính với Tổng Công ty Hợp tác kinh tế trong kỳ như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Chi trả cổ tức cho Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế	1.710.000.000	1.995.000.000
Chi trả công nợ	-	1.500.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất nộp hộ	-	393.471.000
Tiền thuê sử dụng đất phi nông nghiệp	-	11.804.130
Tiền thuế GTGT	-	(384)
Chi phí bảo hiểm	9.961.056	-
Công nợ phải trả	9.961.056	405.274.746

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

Kỳ này	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	40.161.144.358	16.406.000.811	56.567.145.169
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.161.144.358	16.406.000.811	56.567.145.169
 Kết quả kinh doanh theo bộ phận	 3.577.727.301	 4.804.245.760	 8.381.973.061
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.743.936.468)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.638.036.593
Doanh thu hoạt động tài chính			63.169.261
Chi phí tài chính			(100.279.824)
Thu nhập khác			3.358.235
Chi phí khác			(12.512.015)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(314.201.837)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.277.570.413		
 <i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	 -	 -	 (672.839.227)
 <i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	 -	 -	 2.319.000.441

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	29.380.579.076	21.165.070.880	50.545.649.956
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.380.579.076	21.165.070.880	50.545.649.956
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.153.718.110	4.238.851.402	8.392.569.512
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.796.562.238)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			5.596.007.274
Doanh thu hoạt động tài chính			223.627.196
Chi phí tài chính			(753.706.812)
Thu nhập khác			7.550.348
Chi phí khác			(23.839.633)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(191.760.904)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.857.877.469
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			(82.905.189)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			2.131.922.474
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:			
Số cuối kỳ	Trong nước	Xuất khẩu	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.400.294.268	8.371.391.877	17.771.686.145
Tài sản phân bổ cho bộ phận	26.244.684.888	10.721.067.052	36.965.751.940
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			5.725.664.954
Tổng tài sản			60.463.103.039
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	22.554.674	144.740.500	167.295.174
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	12.289.204.867	5.020.193.230	17.309.398.097
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.243.582.516
Tổng nợ phải trả			19.720.275.787
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	9.464.862.463	4.161.023.900	13.625.886.363
Tài sản phân bổ cho bộ phận	28.621.669.048	14.311.730.095	42.933.399.143
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			3.917.358.180
Tổng tài sản			60.476.643.686
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	645.205.000	-	645.205.000
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	11.947.053.875	5.973.900.761	17.920.954.636
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			1.591.780.489
Tổng nợ phải trả			20.157.940.125

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (Xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Đã quá hạn				
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.134.843.373				5.134.843.373
Phải thu khách hàng	14.492.643.744			1.680.774.426	16.173.418.170
Các khoản phải thu khác	297.457.065				297.457.065
Cộng	<u>19.924.944.182</u>			<u>1.680.774.426</u>	<u>21.605.718.608</u>

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	2.921.306.363	-	2.921.306.363
Phải thu khách hàng	10.423.696.383	1.720.774.426	12.144.470.809
Các khoản phải thu khác	337.003.154	-	337.003.154
Cộng	<u>13.682.005.900</u>	<u>1.720.774.426</u>	<u>15.402.780.326</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	-	235.913.239	-	235.913.239
Phải trả người bán	15.185.517.813	-	-	15.185.517.813
Các khoản phải trả khác	750.860.317	-	-	750.860.317
Cộng	15.936.378.130	235.913.239	-	16.172.291.369

Số đầu năm

Vay và nợ	4.482.571.129	235.913.239	-	4.718.484.368
Phải trả người bán	10.637.075.860	-	-	10.637.075.860
Các khoản phải trả khác	1.069.942.106	-	-	1.069.942.106
Cộng	16.189.589.095	235.913.239	-	16.425.502.334

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản vay có giá trị nhỏ.



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cát, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Giá gốc	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.134.843.373	-		2.921.306.363	-	5.134.843.373
Phải thu khách hàng	16.173.418.170	(1.598.267.975)		12.144.470.809	(1.481.415.554)	14.575.150.195
Các khoản phải thu khác	297.457.065	-		337.003.154	-	297.457.065
Cộng	21.605.718.608	(1.598.267.975)		15.402.780.326	(1.481.415.554)	20.007.450.633
						13.762.042.810

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	235.913.239	4.718.484.368	235.913.239	4.718.484.368
Phải trả người bán	15.185.517.813	10.637.075.860	15.185.517.813	10.637.075.860
Các khoản phải trả khác	750.860.317	1.069.942.106	750.860.317	1.069.942.106
Cộng	16.172.291.369	16.425.502.334	16.172.291.369	16.425.502.334

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2012 và Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Hà Nội

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương



Lập ngày 8 tháng 8 năm 2013

Giám đốc

Hoàng Trọng Diên